

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NIÊN ĐỘ 2007**

**ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Số : 11.07.627/AISC-DN**

***CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR***

# MỤC LỤC

---oOo---

---

	Trang
1- Báo Cáo Của Hội Đồng Quản Trị	1 - 2
2- Báo Cáo Kiểm Toán	3
3- Bảng Cân Đối Kế Toán	4 - 6
4- Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	7
5- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	8 - 9
6- Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính	10 - 19

---

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Niên độ 2007

Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Hoá Dược Phẩm MEKOPHAR trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho niên độ kết thúc ngày 31/12/2007.

### 1. Các hoạt động chính

Công Ty Cổ Phần Hoá Dược Phẩm MEKOPHAR hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000833 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002 (Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 10 năm 2005, lần thứ 2 ngày 14 tháng 04 năm 2006, lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2006).

Hình thức sở hữu vốn: công ty cổ phần

Các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công Ty

- Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế
- Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton...).
- Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống).
- Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng, cho thuê căn hộ.

### 2. Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế năm 2007 **62.784.157.026 VND**

### 3. Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc Công Ty:

Hội đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo Cáo này bao gồm:

#### Hội đồng Quản Trị

Bà Huỳnh Thị Lan	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Đặng Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Lê Anh Phương	Ủy viên
Ông Lê Quang Đán	Ủy viên
Bà Võ Thị Thanh Vân	Ủy viên
Bà Nguyễn Thùy Vân	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Ủy viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Bà Huỳnh Thị Lan	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Thị Kim Lan	Phó Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Niên độ 2007

### 4. Các thông tin cơ bản khác

#### 4.1 Tài sản lưu động

Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Hội Đồng Quản Trị đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ tài chính.

#### 4.2 Không có trường hợp nào dẫn đến các số liệu gây hiểu nhầm

Hội Đồng Quản Trị nhận thấy không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.

#### 4.3 Thế chấp tài sản và các khoản nợ ngoài dự kiến sau khi kết thúc niên độ tài chính

Theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ rào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc niên độ tài chính.

#### 4.4 Các nghiệp vụ trọng yếu và bất thường

Theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị, các hoạt động của Công ty trong năm tài chính được phản ánh trên báo cáo này không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh trong khoảng thời gian từ cuối niên độ tài chính cho đến ngày lập báo cáo này.

### 5. Kiểm toán độc lập

Công ty Kiểm toán và Dịch vụ Tin học ( AISC ) được chỉ định là kiểm toán viên cho niên độ tài chính kết thúc 31/12/2007.

### 6. Tuyên bố

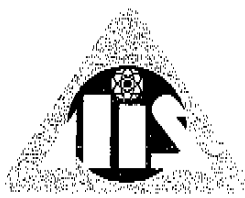
Chúng tôi xin tuyên bố rằng, theo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Hóa Dược Phẩm MEKOPHAR, các Báo cáo tài chính được lập đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty cho niên độ tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2007.

Ngày 15 tháng 2 năm 2008

Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị



OS. Huỳnh Thị Lan



# CÔNG TY KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

Auditing & Informatic Services Company

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh

Tel: (84.8) 9305163 (10 Lines)

Fax: (84.8) 9304281

Email: aisc@hcm.vnn.vn

Website: www.aisc.com.vn



Số : 11.07.627/AISC-DN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN NIÊN ĐỘ 2007

### CÔNG TY CỔ PHẦN HOÁ - DƯỢC PHẨM MEKOPHAR

**Kính gửi : Hội Đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Hoá - Dược phẩm Mekophar.**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty Cổ Phần Hoá - Dược phẩm Mekophar gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ tài chính từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007 của Công ty từ trang 4 đến trang 19, các báo cáo này được soạn thảo phù hợp với hệ thống chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Việc lập, soạn thảo và trình bày báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo những quy định của Nhà nước Việt nam về chế độ kế toán và kiểm toán; phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

Trên căn bản thử nghiệm, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và các công bố trên báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc của Công ty; về sự phù hợp của các nguyên tắc, chế độ kế toán, việc áp dụng nhất quán và trình bày đầy đủ trong việc soạn thảo các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết nhằm cung cấp cho chúng tôi đầy đủ chứng cứ để đảm bảo rằng báo cáo tài chính tránh được các sai sót trọng yếu. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

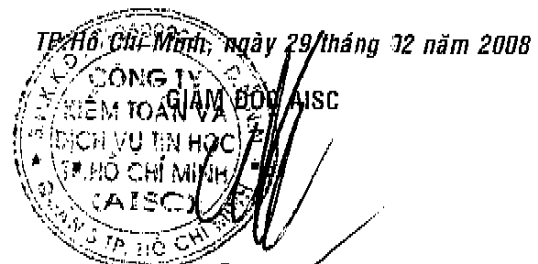
#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Hoá - Dược phẩm Mekophar cho niên độ tài chính từ ngày 01/01/2007 đến ngày 31/12/2007, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2007, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành và tuân thủ các qui định pháp lý có liên quan.

KIỂM TOÁN VIÊN

Trương Diệu Thúy

Số chứng chỉ KTV: 0212/KTV



Nguyễn Hữu Trí

Số chứng chỉ KTV: 0476/KTV

Branch in Hà Nội : 24.2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 92 A Quang Trung St, Hải Châu Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ : 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St, Ninh Kiều Dist, Cần Thơ

Representative in Hải Phòng : 21 Lương Khánh Thiện St, Ngô Quyền Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 7820 045 /46 /47

Tel : (0511) 895 619

Tel : (071) 813 004

Tel : (031) 3920 797

Fax : (04) 7820 048

Fax : (0511) 895 620

Fax : (071) 828 765

Fax : (031) 3920 973

Email : aishn@hn.vnn.vn

Email : aisc@ctdng.vnn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>318.551.144.068</b>	<b>280.863.219.717</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>45.200.325.478</b>	<b>40.931.328.535</b>
1- Tiền	111	V.1	45.200.325.478	40.931.328.535
2- Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.645.750.000</b>	<b>3.800.000.000</b>
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		8.645.750.000	3.800.000.000
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>96.717.269.562</b>	<b>75.267.377.891</b>
1- Phải thu của khách hàng	131		59.630.157.441	60.969.668.871
2- Trả trước cho người bán	132		36.782.205.573	14.237.705.697
5- Các khoản phải thu khác	135	V.3	304.906.548	60.003.323
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>161.737.307.457</b>	<b>151.694.746.710</b>
1- Hàng tồn kho	141	V. 4	164.584.918.212	151.694.746.710
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.847.610.755)	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.250.491.571</b>	<b>9.169.766.581</b>
1- Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2- Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.595.703.529	8.811.007.884
3- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	842.689.716	
5- Tài sản ngắn hạn khác	158		1.812.098.326	358.758.697
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>67.201.820.523</b>	<b>42.145.636.033</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>48.611.820.523</b>	<b>33.655.636.033</b>
1- Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	45.386.820.523	30.430.636.033
- Nguyên giá	222		106.102.053.612	84.088.074.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.715.233.089)	(53.657.438.073)
3- Tài sản cố định vô hình	227		3.225.000.000	3.225.000.000
- Nguyên giá	228		3.225.000.000	3.225.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>18.590.000.000</b>	<b>8.490.000.000</b>
2- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		18.490.000.000	8.390.000.000
3- Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	100.000.000	100.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>385.752.964.591</b>	<b>323.008.855.750</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>70.623.181.251</b>	<b>58.169.904.834</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50.195.805.896</b>	<b>52.913.397.674</b>
1- Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15		
2- Phải trả cho người bán	312		9.785.901.330	7.426.153.510
3- Người mua trả tiền trước	313		103.551.877	12.271.478.656
4- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	13.809.662.060	4.116.826.421
5- Phải trả người lao động	315		7.451.358.632	7.160.407.132
6- Chi phí phải trả	316	V.17	27.500.000	340.000.000
9- Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.18	19.017.831.997	21.598.531.955
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.427.375.355</b>	<b>5.256.507.160</b>
6- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.17	427.375.355	256.507.160
7- Dự phòng phải trả dài hạn	337		20.000.000.000	5.000.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>315.129.783.340</b>	<b>264.838.950.916</b>
<b>I. Nguồn vốn quỹ</b>	<b>410</b>		<b>290.530.283.282</b>	<b>249.069.708.773</b>
1- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	84.000.000.000	84.000.000.000
2- Thặng dư vốn cổ phần	412		107.702.218.400	106.638.718.400
3- Cổ phiếu ngân quỹ	413		(13.500.000.000)	(20.944.500.000)
6- Quỹ đầu tư phát triển	416	V.22	102.278.648.349	72.390.133.496
7- Quỹ dự phòng tài chính	417	V.22	10.049.416.533	6.985.356.877
9- Lợi nhuận chưa phân phối	419			-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>24.599.500.058</b>	<b>15.769.242.143</b>
1- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		24.599.500.058	15.769.242.143
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>385.752.964.591</b>	<b>323.008.855.750</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

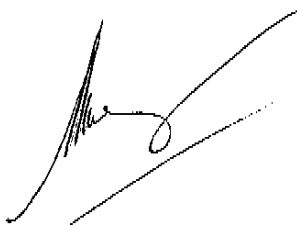
Ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2007	01/01/2007
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.158.197.713	2.158.197.713
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		58,259.03	70,261.76
- EUR		481.21	476.34

Kế Toán Trưởng



CN. Nguyễn Thị Thuý Hồng

Ngày 15 tháng 2 năm 2008

Tổng Giám Đốc



ĐS. Nguyễn Thị Lan



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

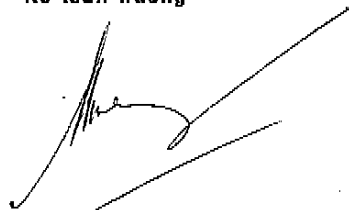
Niên độ 2007

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	546.526.923.150	469.373.925.554
2- Các khoản giảm trừ	03		1.039.493.797	2.194.948.559
3- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		545.487.429.353	467.178.976.995
4- Giá vốn hàng bán	11	VI.27	376.687.202.520	348.305.995.185
5- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		168.800.226.833	118.872.981.810
6- Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.305.310.640	268.632.049
7- Chi phí tài chính	22	VI.28	337.966.516	4.167.644.346
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		90.133.384	3.041.476.806
8- Chi phí bán hàng	24		33.523.978.342	21.069.443.490
9- Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		52.836.431.831	34.065.267.200
10- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		83.407.160.784	59.839.258.823
11- Thu nhập khác	31		2.072.043.498	5.395.708.674
12- Chi phí khác	32		140.040.184	1.970.968.674
13- Lợi nhuận khác	40		1.932.003.314	3.424.740.000
14- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		85.339.164.098	63.263.998.823
Tổng lợi nhuận kế toán chịu thuế TNDN			112.775.035.358	69.706.051.990
15- Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	22.555.007.072	13.941.210.398
Chi phí thuế TNDN được miễn giảm				6.970.605.199
16- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		62.784.157.026	56.293.393.624
18- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		7.854	7.137

Ngày 15 tháng 2 năm 2008

Kế toán trưởng



CN. Lê Thị Thủy Hoàng

Tổng Giám Đốc



ĐS. Huỳnh Thị Lan

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Niên độ 2007

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
<b>1- Lợi nhuận trước thuế:</b>	<b>01</b>		<b>85.339.164.098</b>	<b>63.263.998.823</b>
<b>2- Điều chỉnh cho các khoản:</b>			<b>6.543.548.844</b>	<b>6.225.962.555</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02		7.551.163.660	5.675.230.988
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.097.748.200)	(2.490.745.239)
- Chi phí lãi vay	06		90.133.384	3.041.476.806
<b>3- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>91.882.712.942</b>	<b>69.489.961.378</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(21.407.866.246)	(56.180.210.639)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(10.042.560.747)	(28.690.208.363)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		23.156.444.982	14.771.441.975
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(1.453.339.629)	
- Tiền lãi vay đã trả	13		(90.133.384)	(3.041.476.806)
- Thuế TNDN đã nộp	14		(13.922.213.822)	(7.919.593.215)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		17.659.591.233	24.472.422.080
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(27.367.688.436)	(23.924.751.345)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>58.414.946.893</b>	<b>(11.022.414.935)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(22.522.747.055)	(8.266.130.122)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		206.454.545	4.572.727.272
5- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(14.945.750.000)	(12.190.000.000)
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		906.692.560	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(36.355.349.950)</b>	<b>(15.883.402.850)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			136.638.718.400
2- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(20.944.500.000)
3- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.205.149.000	128.975.636.472
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(10.205.149.000)	(169.261.761.211)
6- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(17.790.600.000)	(9.954.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(17.790.600.000)</b>	<b>65.454.093.661</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

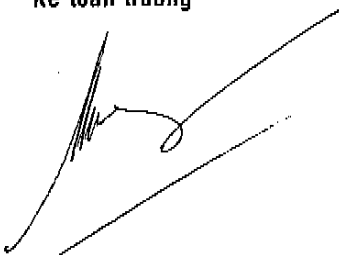
(Theo phương pháp gián tiếp)

Niên độ 2007

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
Lưu chuyển tiền thuần trong kì	50		4.268.996.943	38.548.275.876
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kì	60		40.931.328.535	2.383.052.659
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kì	70		45.200.325.478	40.931.328.535

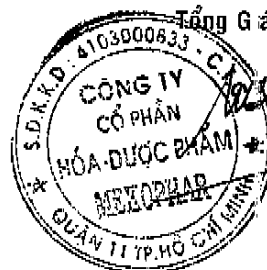
Kế toán trưởng



CN. Lê Thị Thủy Hồng

Ngày 15 tháng 2 năm 2008

Tổng Giám Đốc



DS. Huỳnh Thị Lan

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Thành lập:**

Công Ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000833 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 02 năm 2002 (Đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 21 tháng 10 năm 2005, lần thứ 2 ngày 14 tháng 04 năm 2006, lần thứ 3 ngày 19 tháng 12 năm 2006).

Địa chỉ trụ sở chính: 297/5 Lý Thường Kiệt, Quận 11 - Tp.Hồ Chí Minh.

**2. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.**

**3. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, thương mại.**

**4. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dược liệu, hoá chất, nguyên phụ liệu cho ngành dược, dụng cụ y tế.
- Sản xuất bao bì dùng trong ngành dược (chai nhựa, hộp giấy, thùng carton...).
- Sản xuất, mua bán hàng thực phẩm công nghệ (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống).
- Dịch vụ cho thuê cao ốc, văn phòng, cho thuê căn hộ.

**II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

1. Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và lập báo cáo tài chính: Việt Nam đồng.

**III. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp**

1. Chế độ kế toán áp dụng: Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam:

Công Ty tuân thủ chấp hành các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lí có liên quan.

3. Hình thức kế toán áp dụng: chứng từ ghi sổ.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền:** tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển gồm:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Những nghiệp vụ liên quan đến các loại ngoại tệ phát sinh trong năm được qui đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân của liên ngân hàng Nhà Nước tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

- Các chênh lệch phát sinh do quy đổi ngoại tệ và đánh giá lại số dư các tài khoản ngoại tệ được kết chuyển vào lãi, lỗ của niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VND

**2. Phương pháp kế toán hàng tồn kho**

Nguyên tắc đánh giá: Được ghi nhận theo giá gốc. (Thực hiện theo chuẩn mực số 02 "Hàng tồn kho").

Phương pháp xác định giá trị hàng hóa tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: áp dụng theo thông tư 13/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài Chính.

**3. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:** là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được đưa vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:** nguyên giá được ghi nhận là toàn bộ chi phí bỏ ra để có quyền sử dụng đất. Đơn vị không trích khấu hao cho quyền sử dụng đất.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Khấu hao được tính dựa trên nguyên giá của tài sản cố định và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỷ lệ khấu hao hàng năm dựa trên mức độ hữu dụng dự tính của TSCĐ phù hợp với quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: nguyên tắc ghi nhận theo giá gốc.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán:

- Được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua thực tế. Tại các kỳ kế toán tiếp theo các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá mua trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các qui định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công Ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ nhưng chưa có hoá đơn, chứng từ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VND

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.**

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm 3% trên quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Năm 2007, Công Ty trích trước lợi nhuận sau thuế khoản chi phí sẽ phát sinh cho dự án nghiên cứu khoa học sản xuất thuốc là: 15.000.000.000 VND.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Phân chia lợi nhuận và trích lập các quỹ theo quyết định của Hội đồng Quản Trị và theo Điều lệ Công Ty.

Lợi nhuận sau thuế năm 2007 được phân chia theo tỷ lệ sau:

- + Quỹ Đầu tư phát triển : 48,5%
- + Quỹ Dự phòng tài chính : 5,0%
- + Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 20%
- + Cổ tức : 26,5%

**11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng bán hàng bị trả lại.

- Doanh thu hoạt động tài chính: được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và được xác định tương đối chắc chắn.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công Ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất ưu đãi là 20% trên thu nhập chịu thuế.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng Cân Đối Kế Toán**

<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
- Tiền mặt	7.993.654.407	7.881.297.410
- Tiền gửi ngân hàng	37.206.671.011	33.050.031.125
+ VND	36.262.246.530	31.911.661.035
+ Ngoại tệ	944.424.481	1.138.370.090
<b>Cộng</b>	<b>45.200.325.418</b>	<b>40.931.328.535</b>
<b>2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>31/12/2007</b>	<b>01/01/2007</b>
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	8.645.750.000	3.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.645.750.000</b>	<b>3.800.000.000</b>

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VNĐ

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	31/12/2007	01/01/2007
Phải thu khác	304.906.548	60.003.323
- Viện răng hàm mặt		900.000
- BHXH, Y tế (tiền nghỉ ốm đau, thai sản)	42.025.425	59.103.323
- Công ty Develing(Trade LTD)	81.123.900	
- Công ty C.Melchers GMBH Co.	161.757.223	
- CP thẩm định NTN-NKKN	20.000.000	
Tạm ứng		
<b>Cộng</b>	<b>304.906.548</b>	<b>60.003.323</b>

4. Hàng tồn kho	31/12/2007	01/01/2007
- Nguyên liệu, vật liệu	104.531.576.627	92.086.174.538
- Công cụ, dụng cụ	592.895.679	440.727.851
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.017.636.514	19.580.417.965
- Thành phẩm	40.442.809.322	39.587.426.356
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.847.610.725)	
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>161.737.307.427</b>	<b>151.694.746.710</b>

5. Các khoản thuế phải thu	31/12/2007	01/01/2007
- Thuế GTGT được khấu trừ	3.595.703.529	8.811.007.884
- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	842.689.726	
<b>Cộng</b>	<b>4.438.393.255</b>	<b>8.811.007.884</b>

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					
Khoản mục	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
Số dư đầu năm	22.675.345.553	43.487.169.099	4.855.842.573	13.069.716.821	84.088.074.106
- Mua trong năm		17.561.856.312	365.280.154	1.339.172.428	19.266.308.964
- Đầu tư XDCB hoàn trả	3.256.438.091				3.256.438.091
- Thanh lý, nhượng bán		508.767.549			508.767.549
Số dư cuối năm	25.931.783.644	60.540.257.862	5.221.122.727	14.408.889.319	106.102.053.612

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VND

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (tiếp theo):****Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư đầu năm	10.175.086.083	31.433.661.191	3.168.115.849	8.880.574.950	53.657.438.073
- Khấu hao trong năm	1.142.266.462	4.136.090.904	505.143.579	1.767.662.715	7.551.163.660
- Thanh lý, nhượng bán		493.368.644			493.368.644
Số dư cuối năm	11.317.352.545	35.076.383.451	3.673.259.428	10.648.237.665	60.715.233.089

**Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình**

Tại ngày đầu năm	12.500.259.470	12.053.507.908	1.687.726.724	4.189.141.931	30.430.636.033
Tại ngày cuối năm	14.614.431.099	25.463.874.411	1.547.863.299	3.760.651.714	45.386.820.523

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 29.821.036.547

**10. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ vô hình</b>		
Số dư đầu năm	3.225.000.000	3.225.000.000
Số dư cuối năm	3.225.000.000	3.225.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình</b>		
Tại ngày đầu năm	3.225.000.000	3.225.000.000
Tại ngày cuối năm	3.225.000.000	3.225.000.000

**13. Đầu tư dài hạn**

	31/12/2007	01/01/2007
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (*)	18.490.000.000	8.390.000.000
+ Công ty TNHH Bệnh Viện Tư Nhân Đa Khoa An Sinh	8.390.000.000	8.390.000.000
+ Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam Tiger Fund (**)	10.100.000.000	
- Đầu tư dài hạn khác	100.000.000	100.000.000
+ Công trái giáo dục ( lãi suất 8%/năm, kỳ hạn 5 năm )	100.000.000	100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.590.000.000</b>	<b>8.490.000.000</b>

(\*) Đầu tư góp vốn vào Công Ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Tư Nhân An Sinh với tỉ lệ góp vốn là: 22%

(\*\*) Số đơn vị quỹ sở hữu là: 10.000.000.000 ĐVQ; Phí đóng quỹ: 100.000.000 VND.



	31/12/2007	01/01/2007
<b>16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>		
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	32.773.241	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.400.177.342	3.139.866.867
- Thuế xuất nhập khẩu	3.662.606	
- Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên	373.048.871	180.438.744
- Thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên		796.520.810
- Thuế TNCN		
<b>Cộng</b>	<b>13.809.662.060</b>	<b>4.116.826.421</b>
<b>17. Chi phí phải trả</b>		
- Chi phí Hội đồng quản trị	27.500.000	340.000.000
<b>Cộng</b>	<b>27.500.000</b>	<b>340.000.000</b>
<b>18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
- Kinh phí công đoàn phải nộp cấp trên	176.943.792	142.611.620
- Kinh phí công đoàn thu của người lao động	83.662.256	55.964.599
- Chi phí cổ phần hóa	7.683.706	7.688.706
- Kinh phí để tài "Cao Rong Mơ"	336.512.427	336.512.427
- Kinh phí dự án "Nhà máy GMP"	60.000.000	60.000.000
- Công ty CP Dược phẩm TW Vidiphar	3.150.000	
- Cổ tức phải trả cho các cổ đông	11.340.000.000	12.500.220.000
- Phải trả khác	7.020.707.522	8.495.534.603
<b>Cộng</b>	<b>19.017.831.997</b>	<b>21.598.531.955</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VNĐ

**22. Vốn chủ sở hữu****a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000			60.630.403.680	4.513.933.902	8.172.000.000
- Lợi nhuận năm 2006						56.293.393.624
- Tăng vốn năm trước	48.000.000.000	106.638.718.400	(20.944.500.000)	29.759.729.816	2.471.422.975	
- Giảm quỹ năm trước				18.000.000.000		
- Trích quỹ từ lãi năm 2006						(42.136.864.689)
- Chia cổ tức năm 2005						(8.172.000.000)
- Tăng khác						105.671.065
- Chia cổ tức năm 2006						(14.262.200.000)
Số dư cuối năm trước	84.000.000.000	106.638.718.400	(20.944.500.000)	72.390.133.496	6.985.353.877	-
Số dư đầu năm nay						
- Nhập cổ phiếu quỹ		1.063.500.000	(7.444.500.000)			
- Lãi trong năm nay						62.784.157.026
- Trích quỹ ĐT & DP năm 2007				29.888.514.853	3.064.053.656	(32.952.574.509)
- Cổ tức trả CĐ năm 2007 (20% LN)						(16.072.380.000)
- Giảm khác (trích quỹ KT & PL 20% LN)						(12.256.238.628)
- Thuế TNDN năm 2006 đóng bổ sung (*)						(883.100.984)
- Khen thưởng HĐQT năm 2006						(558.000.000)
- Thuế TNCN không TX nộp thay						(61.862.905)
Số dư cuối năm nay	84.000.000.000	107.702.218.400	(13.500.000.000)	102.278.648.349	10.049.416.533	-

(\*) Theo Biên bản thanh tra thuế năm 2006 của cơ quan Tổng Cục Thuế ngày 26/9/2007.

**b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2007	01/01/2007
Vốn góp của Nhà nước (28,93%)	24.300.000.000	24.300.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác (71,07%)	59.700.000.000	59.700.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>84.000.000.000</b>	<b>84.000.000.000</b>

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2007	Năm 2006
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	84.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp đầu năm	84.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm (*)		48.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	84.000.000.000	84.000.000.000
- Cổ tức đã chia	4.732.380.000	14.262.200.000

(\*) Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000833 thay đổi lần thứ 3, ngày 19 tháng 12 năm 2006 tăng vốn điều lệ là 84.000.000.000 đồng, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp.

d- Cổ tức:	Năm 2007	Năm 2006
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	20%	20%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu	20%	20%

đ- Cổ phiếu:	Năm 2007	Năm 2006
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	8.400.000	8.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.400.000	8.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	2.400.000	2.400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	300.000	512.700
- Cổ phiếu ưu đãi	300.000	512.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	8.100.000	7.887.300
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	2.100.000	1.887.300
*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000	10.000

e- Các quỹ của doanh nghiệp:

\* Mục đích trích lập các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng đầu tư mở rộng sản xuất, mua sắm TSCĐ mới để phát triển kinh doanh, bổ sung vốn lưu động
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để đề phòng những trường hợp gặp rủi ro trong kinh doanh, gặp thiên tai hoả hoạn... hoặc bổ sung vốn kinh doanh từ quỹ dự phòng tài chính sử dụng không hết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VNĐ

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh**

	Năm 2007	Năm 2006
<b>25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (mã số 01)</b>	<b>546.526.923.150</b>	<b>469.373.925.554</b>
- Doanh thu bán thành phẩm	477.075.681.568	389.899.303.219
- Doanh thu bán vật tư	68.227.926.241	77.208.804.155
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	1.223.315.341	2.265.818.180
<b>26. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>1.039.493.797</b>	<b>2.194.948.559</b>
- Giảm giá hàng bán	48.628.060	19.727.528
- Hàng bán bị trả lại	990.865.737	2.175.221.031
<b>27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>545.487.429.353</b>	<b>467.178.976.995</b>
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	476.036.181.771	387.704.354.660
- Doanh thu thuần bán vật tư	68.227.926.241	77.208.804.155
- Doanh thu thuần cho thuê mặt bằng	1.223.315.341	2.265.818.180
<b>28. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
- Giá vốn thành phẩm đã bán	321.860.632.268	276.351.944.785
- Giá vốn vật tư đã cung cấp	54.826.570.252	71.954.050.400
<b>Cộng</b>	<b>376.687.202.520</b>	<b>348.305.995.185</b>
<b>29. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
- Lãi tiền gửi, cho vay	561.425.893	187.017.407
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	585.410.479	64.439.140
- Cổ tức lợi nhuận được chia	139.000.000	
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	19.474.268	17.175.502
<b>Cộng</b>	<b>1.305.310.640</b>	<b>268.632.049</b>
<b>30. Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2007</b>	<b>Năm 2006</b>
- Lãi tiền vay	90.133.384	3.041.476.806
- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.864.411	1.126.167.540
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	135.968.721	
<b>Cộng</b>	<b>337.966.516</b>	<b>4.167.644.346</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Niên độ 2007

Đơn vị tính : VND

	Năm 2007	Năm 2006
<b>31. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	85.339.164.098	63.263.998.823
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập kế toán để xác định thu nhập chịu thuế.	27.574.871.260	6.442.053.167
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập kế toán để xác định thu nhập chịu thuế	139.000.000	
- Tổng thu nhập chịu thuế	112.775.035.358	69.706.051.990
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành (20%)	22.555.007.072	13.941.210.398
+ Chi phí thuế TNDN được miễn giảm		6.970.605.199
+ Chi phí thuế TNDN phải nộp	22.555.007.072	6.970.605.199
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	62.784.151.026	56.293.393.624
<b>33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	367.493.594.162	335.552.347.888
- Chi phí nhân công	43.605.774.843	37.509.965.262
- Chi phí khấu hao	7.551.161.660	5.675.230.988
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.726.451.548	8.285.919.498
- Chi phí khác bằng tiền	38.445.800.545	28.427.197.134
<b>Cộng</b>	<b>462.822.791.758</b>	<b>415.450.660.770</b>

**VIII. Những thông tin khác.****7. Những thông tin khác.**

Công Ty đang Đầu tư mua 41.139,2 m<sup>2</sup> tại tỉnh Bình Dương để xây dựng nhà máy GMP mới.

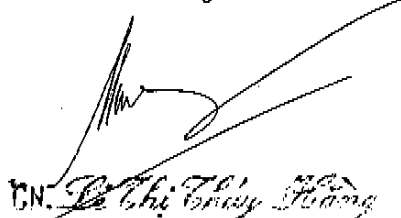
Năm 2008, Công Ty thành lập:

- + Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và cung cấp tế bào gốc (Mekostem).
- + Trung tâm nghiên cứu điều trị ung thư (MEKO GTL).

Năm 2008, Công ty tiếp tục tiến hành hoàn tất các thủ tục pháp lý về dự án khu đất tọa lạc tại số 157 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa và số 5 đường Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3 Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng và khai thác cao ốc văn phòng và căn hộ cho thuê.

Ngày 15 tháng 2 năm 2008

Kế toán trưởng



Chị Chi Thủy Hoàng

Tổng Giám Đốc

